

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2021/DSST**  
Ngày: 30/9/2021  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Phạm Thành Đô;

2/ Bà Lê Thị Thận;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước  
tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2021/TLST – DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST – DS ngày 08 tháng 9 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Hồ Văn Hoài Th, sinh năm: 1985

Cư trú tại: Khu H, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1958

Cư trú tại: Khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(*Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hồ Văn Hoài Th trình bày:* Anh và bà Nguyễn Thị B có mối quan hệ quen biết với nhau. Ngày 26/02/2018 bà Nguyễn Thị B có vay của anh số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), mục đích vay để đáo sổ Ngân hàng. Các bên thỏa thuận lãi suất 20.000đ/ 1.000.000đ/ 1 tháng. Bà Nguyễn Thị B hẹn đến ngày 28/02/2018 trả đủ tiền vay. Khi vay tiền bà Nguyễn Thị B có viết giấy vay tiền cho anh. Tờ giấy vay tiền đã được anh làm mẫu sẵn, bà Nguyễn Thị B điền các

nội dung liên quan đến việc vay tiền vào phần để trống và ký tên, điểm chỉ. Từ ngày vay cho đến nay, bà Nguyễn Thị B không trả tiền lãi và tiền gốc. Nay đã quá thời hạn trả tiền nhưng bà Nguyễn Thị B không trả. Do đó, nay anh khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả số tiền vay 70.000.000đ. Ngoài ra anh không có yêu cầu nào khác.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:* Từ trước đến nay bà không có vay số tiền nào của anh Hồ Văn Hoài Th. Chữ viết và nội dung trong giấy vay tiền lập ngày 26/02/2018 là không đúng. Bà xác nhận chữ ký trong giấy vay tiền lập ngày 26/02/2018 là chữ ký của bà, còn dấu điểm chỉ không phải là dấu vân tay của bà. Bà xác nhận bà có lập tờ giấy nợ với anh Hồ Văn Hoài Th nhưng với số tiền nợ là 20.000.000đ không phải là số tiền 70.000.000đ. Lý do có tờ giấy nợ này là do vào khoảng năm 2017, năm 2018 bà có vay anh Điều Hoài N số tiền 50.000.000đ nhưng không trả được nên anh Điều Hoài N đã thuê anh Nguyễn Văn Ngh đòi nợ bà. Anh Nguyễn Văn Ngh đã bắt giữ gây áp lực với bà để bà trả tiền. Do bà không có tiền trả nên anh Nguyễn Văn Ngh gọi anh Hồ Văn Hoài Th xuống yêu cầu bà viết giấy nợ với anh Hồ Văn Hoài Th. Lý do anh Nguyễn Văn Ngh yêu cầu bà viết giấy nợ với anh Hồ Văn Hoài Th là do anh Nguyễn Văn Ngh nợ tiền anh Hồ Văn Hoài Th 20.000.000đ nên giờ anh Nguyễn Văn Ngh bắt bà cản trở nợ với anh Hồ Văn Hoài Th. Bà không có tài liệu chứng minh về lời khai này. Do bà không có vay tiền của anh Hồ Văn Hoài Th nên bà không đồng ý trả số tiền 70.000.000đ cho anh Hồ Văn Hoài Th.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho anh Hồ Văn Hoài Th số tiền vay 70.000.000đ.

*Các tài liệu, chứng cứ:*

*Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp:* Tài liệu về nhân thân; Giấy vay tiền lập ngày 26/02/2018

*Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp:* Không có

*Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:* Lời khai của nguyên đơn; Lời khai của bị đơn; Lời khai của người làm chứng;

*Tình tiết nguyên đơn, bị đơn thống nhất:* Không có

*Tình tiết nguyên đơn, bị đơn không thống nhất:* Về nội dung của giấy vay tiền, về số tiền vay.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị B (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị B.

[2] Xét: Anh Hồ Văn Hoài Th khởi kiện bà Nguyễn Thị B yêu cầu trả số tiền vay 70.000.000đ. Anh Hồ Văn Hoài Th cung cấp giấy vay tiền để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Nguyễn Thị B hiện đang cư trú tại khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét giao dịch giữa anh Hồ Văn Hoài Th và bà Nguyễn Thị B được xác lập ngày 26/2/2018. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Anh Hồ Văn Hoài Th khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc. Tại Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Thời hiệu khởi kiện không áp dụng trong trường hợp sau đây: 2. Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu....*”. Do đó, yêu cầu trả tiền gốc của anh Hồ Văn Hoài Th không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[5] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Văn Hoài Th yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả số tiền vay 70.000.000đ: Anh Hồ Văn Hoài Th khai nhận anh có cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền là 70.000.000đ, thời hạn trả 02 ngày. Việc vay tiền có làm giấy vay tiền lập ngày 26/02/2018, các bên có ký nhận. Bà Nguyễn Thị B không thừa nhận việc vay tiền này. Bà Nguyễn Thị B không thừa nhận nội dung các chữ viết, chữ ký và dấu vân tay trong giấy vay tiền lập ngày 26/02/2018 là của bà. Xét, tại biên bản lấy lời khai ngày 01/5/2021 bà Nguyễn Thị B thừa nhận chữ ký và chữ “Nguyễn Thị B” trong giấy vay tiền lập ngày 26/02/2018 là của bà (bút lục số 21). Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2021 bà Nguyễn Thị B không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền lập ngày 26/02/2018 (bút lục số 25). Như vậy, lời khai của bà Nguyễn Thị B không thống nhất. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị B không nộp đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay để chứng minh lời khai của mình. Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị B cho rằng bà có viết một tờ giấy nợ với anh Hồ Văn Hoài Th nhưng với số tiền là 20.000.000đ, không phải là số tiền 70.000.000đ. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị B thừa nhận không có tài liệu, chứng

cứ nào chứng minh về việc tờ giấy vay tiền lập ngày 26/02/2018 là không có thật. Mặt khác, bà Nguyễn Thị B cũng thừa nhận bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bà bị ép buộc viết giấy vay tiền với anh Hồ Văn Hoài Th (bút lục số 21). Như vậy, lời khai của bà Nguyễn Thị B không có đủ cơ sở chấp nhận. Do đó, đủ cơ sở xác định việc bà Nguyễn Thị B vay số tiền 70.000.000đ của anh Hồ Văn Hoài Th là có thật.

Trong giấy vay tiền lập ngày 26/02/2018 ghi nhận “.....tới ngày 28/02/2018 tôi sẽ hoàn trả đủ số tiền đã vay của ông Hồ Văn Hoài Th”. Như vậy, thời hạn bà Nguyễn Thị B phải trả tiền vay cho anh Hồ Văn Hoài Th chậm nhất là ngày 28/02/2018. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Như vậy, bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Văn Hoài Th về việc yêu cầu trả số tiền vay 70.000.000đ là có cơ sở.

[6] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Do đó, bị đơn bà Nguyễn Thị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là  $70.000.000đ \times 5\% = 3.500.000đ$ .

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Văn Hoài Th về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B trả cho nguyên đơn anh Hồ Văn Hoài Th số tiền vay là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng)

2/ Về án phí: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000đ.

Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn anh Hồ Văn Hoài Th số tiền tạm ứng án phí là 1.750.000đồng theo biên lai thu tiền số 016143 ngày 09 tháng 4 năm 2021.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2021). Đương sự vắng mặt khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND t. Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Thị Phương Hạnh**